

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2025/DS-ST

Ngày: 22-9-2025

V/v "Tranh chấp hợp đồng tín
dụng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Hùng

2. Bà Lê Thị Hoàng Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4- Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Võ Quang Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 217/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 111/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V ; Địa chỉ: Số xx L , phường Giảng Võ, TP Hà Nội (phường Láng Hạ, quận Đống Đa, TP Hà Nội cũ); Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D – chức vụ, Chủ tịch HĐQT. Người đại diện theo uỷ quyền: ông Lê Văn T – chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ và ông Đỗ Thành Đ - chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Cùng địa chỉ: xxx , phường Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Ông Đ có mặt

- Bị đơn: Bà H, sinh năm: 1971. Địa chỉ: Thôn G, , thành phố Đà Nẵng (xã Hoà Phước, huyện Hoà Vang, TP Đà Nẵng cũ). Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - ông Đỗ Thành Đ trình bày:*

Ngày 23/02/2024, bà H ký kết với Ngân hàng thương mại cổ phần V (V) Hợp đồng cho vay số: LD2405401952 cụ thể như sau:

- Số tiền vay: 225,800,000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng);

- Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và thanh toán phí bảo hiểm.

- Thời hạn vay: 60 tháng;

- Lãi suất thay đổi theo từng thời kì, lãi suất thỏa thuận tại thời điểm vay là 37%/năm;

- Lãi chậm trả phát sinh trên dư nợ gốc quá hạn là 150% nhân lãi suất trong hạn;

Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 03/11/2024 đối với V và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký. Hiện tại, V cam kết chưa bán khoản vay của bà H cho bất kỳ công ty nào. Do bà H vi phạm thỏa thuận thanh toán nên V khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc bà H thanh toán cho V số tiền nợ tạm tính đến ngày 22/09/2025, bà H còn nợ V tổng số tiền là: 314.306.473 đồng, trong đó nợ gốc: 225.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 5.094.991, nợ lãi quá hạn: 83.411.482 đồng.

- V được tiếp tục tính lãi suất theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay cho đến ngày thực tế bà H thanh toán hết nợ cho V.

- Trường hợp không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, V có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại các tài sản của bà H để thu hồi nợ cho V.

- Bà H phải chịu án phí và các chi phí liên quan (nếu có).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà bị đơn – bà H trình bày: Trước đây bà có vay của Ngân hàng thương mại cổ phần V 02 hợp đồng tín dụng, mỗi tháng bà L đều trả khoảng 15.000.000 đồng. Năm 2024 nhân viên Ngân hàng thương mại cổ phần V gọi bà L đến ngân hàng và hướng dẫn góp nhẹ lại mỗi tháng 7.000.000 đồng, bà không hề biết đến Hợp đồng số LD2405401952, bà không vay tiền bằng chữ ký điện tử. Tuy nhiên, bà L đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho bà được trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết khoản nợ, ngoài ra đề nghị HĐXX xem xét miễn, giảm tiền án phí vì hiện nay hoàn cảnh của Bà rất khó khăn và đang bị bệnh.

Tại phiên toà, người đại diện theo uỷ quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần V trình bày: Xét về quy trình ký kết hợp đồng điện tử tại V để có thể thực hiện giao dịch khách hàng cần phải thực hiện đầy đủ quy trình, thực hiện xác minh danh tính thì chữ ký số mới có giá trị pháp lý. Khách hàng cần thực hiện đăng ký mở tài khoản, nhập email, số điện thoại thực điện tử để xác minh danh tính thông qua Căn cước công dân/chứng minh nhân dân/hộ chiếu và các phương thức như mã OTP, sinh trắc học... Khi hệ thống của V nhận diện được chính xác các thông tin cá nhân của khách hàng và lệnh ký kết hợp đồng điện tử từ khách hàng thì xác nhận ý chí chấp thuận của khách hàng về việc đồng ý ký kết hợp đồng điện tử. Bởi đây là các thông tin cá nhân mang tính chất bảo mật, chỉ có thể được thực hiện bởi khách hàng.

Đối với Hợp đồng cho vay số LD2405401952 ngày 23/02/2024 được ký kết giữa bà H và Ngân hàng thương mại cổ phần V. Hợp đồng được thực hiện đúng quy trình, được xác thực bởi tài khoản mang tên khách hàng HUYNH THI LOI,

User: 09xxxdo bà H thực hiện đăng ký tài khoản. Bà L đã đăng ký, xác thực tài khoản nêu trên thông qua CMND số 2xxxxx do Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 19/04/2019. Mã xác thực OTP đối với giao dịch trên được gửi về số điện thoại

09xxxdo bà H đang quản lý, sử dụng cho tới nay. Ngoài bà L thì mã OTP này không được cung cấp cho bất kỳ ai, bao gồm ngân hàng để tránh rủi ro.

Vào lúc 16 giờ 56 phút 12 giây, ngày 23/02/2024 bà H đã nhập mã OTP 996078 để xác thực giao dịch và hoàn tất ký điện tử Hợp đồng cho vay số: LD2405401952.

Hợp đồng cho vay số LD2405401952 ngày 23/02/2024 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và bà H tuân thủ đúng quy định của Bộ Luật dân sự 2015 về giao dịch dân sự và Luật Giao dịch điện tử năm 2023 nên có hiệu lực và có giá trị pháp lý. Đề nghị HĐXX giải quyết buộc bà H thanh toán cho V số tiền nợ tạm tính đến ngày 22/09/2025, bà H còn nợ V tổng số tiền là: 314.306.473 đồng, trong đó nợ gốc: 225.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 5.094.991, nợ lãi quá hạn: 83.411.482 đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của đương sự: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V, buộc bà H phải trả cho Ngân hàng TMCP V bà H thanh toán cho V số tiền nợ tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 22/09/2025, bà H còn nợ V tổng số tiền là: 314.306.473 đồng, trong đó nợ gốc: 225.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 5.094.991, nợ lãi quá hạn: 83.411.482 đồng.

Bà H còn phải thanh toán khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 23/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng cho vay đã ký.

Về án phí: Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu bị đơn bà H có địa chỉ tại thôn Giáng Nam 2, xã Hoà Phước, huyện Hoà Vang, TP Đà Nẵng (nay là phường Hoà Xuân,

TP Đà Nẵng) yêu cầu trả tiền do vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay số LD2405401952 ngày 23/02/2024. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân nên tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng TMCP V và bà H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Đà Nẵng.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về số tiền nợ gốc: Hợp đồng cho vay số LD2405401952 ngày 23/02/2024 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V và bà H là Hợp đồng cho vay đối với khách hàng cá nhân vay từng lần không có tài sản bảo đảm trên kênh V NEO của V (Hệ thống ngân hàng điện tử chính của V). Mục đích vay: Phục vụ nhu cầu đời sống và thanh toán phí bảo hiểm; Thời hạn vay: 60 tháng; lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng. Hợp đồng được xác thực bởi tài khoản mang tên khách hàng HUYNH THI LOI, User: 09xxxdo bà H thực hiện đăng ký tài khoản. Bà L đã đăng ký, xác thực tài khoản nêu trên thông qua CMND số 2xxxxx do Công an TP Đà Nẵng cấp ngày 19/04/2019. Mã xác thực OTP đối với giao dịch trên được gửi về số điện thoại 09xxxdo bà H đang quản lý, sử dụng cho tới nay. Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ ngày ký kết. Quá trình thực hiện Hợp đồng, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 03/11/2024 nên Ngân hàng TMCP V khởi kiện yêu cầu bà H trả số tiền nợ gốc theo hợp đồng là 225.800.000 đồng để thu hồi nợ là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và đúng quy định của Luật các tổ chức tín dụng.

Tại phiên tòa bà H cũng trình bày số điện thoại 09xxx là của bà sử dụng, ngoài bà L thì không ai được sử dụng điện thoại của bà. Ngoài ra, theo bản kê tình hình giao dịch khế ước số LD 2405401952 thì từ ngày 24/02/2024 đến ngày 03/9/2025, bà H vẫn nộp tiền trả nợ cho khoản vay nói trên của Ngân hàng TMCP V. Bà L đề nghị ngân hàng tạo điều kiện cho bà được trả mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết khoản nợ. Do đó, bà L cho rằng không biết về Hợp đồng cho vay số LD2405401952 là không có cơ sở.

[2] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà H phải thanh toán tiền lãi tạm tính đến ngày 22/9/2025 là 88.506.473 đồng, trong đó nợ lãi trong hạn: 5.094.991 đồng, nợ lãi quá hạn: 83.411.482 đồng.

Xét thấy, tại Bảng kê tính lãi đối với khoản vay của bà L do Ngân hàng cung cấp, việc xác định nợ gốc còn lại, cách tính lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn của ngân hàng phù hợp với lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay, phù hợp với các quy định của pháp luật tại từng thời điểm tính lãi suất. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi bổ sung năm 2017), phù hợp với Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những nhận định trên, buộc bà H phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 314.306.473 đồng, trong đó nợ gốc: 225.800.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 5.094.991, nợ lãi quá hạn: 83.411.482 đồng đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LD2405401952 ngày 23/02/2024.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 314.306.473 đồng x 5% = 15.821.734 đồng. Tuy nhiên do bà L gặp nhiều khó khăn trong việc làm ăn dẫn đến mất khả năng thanh toán có xác nhận của chính quyền địa phương nên HĐXX xem xét giảm một nửa án phí cho bà L theo quy định tại khoản 1 Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Theo những nhận định như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Căn cứ Điều 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;
- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của Tòa án nhân dân.
- Căn cứ Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật lãi, lãi suất và phạt vi phạm.
- Căn cứ khoản 1 Điều 13, khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP V về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với bị đơn bà H.

Buộc bà H phải trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 314.306.473đ (*Ba trăm mười bốn triệu ba trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm bảy mươi ba đồng*), trong đó nợ gốc: 225.800.000đ (*Hai trăm hai mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng*), nợ lãi trong hạn: 5.094.991đ (*Năm triệu không trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm chín mươi một đồng*), nợ lãi quá hạn:

83.411.482đ (Tám mươi ba triệu bốn trăm mười một nghìn bốn trăm tám mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số LD2405401952 ngày 23/02/2024.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà H phải chịu 7.857.662 (Bảy triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm sáu mươi hai đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí 6.812.000đ (Sáu triệu tám trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008684 ngày 28/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 4 – Đà Nẵng).

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV4-Đà Nẵng;
- Phòng THADS KV 4 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Mỹ Loan

